

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH V

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/HS-ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Đoan

2. Bà Trần Thị Bích Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Đặng Văn G, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1996; sinh trú quán: Thôn 3, xã H, huyện Y, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964; vợ: Bàn Thị X, sinh năm 1995, con: Có 01 con sinh năm 2018; tiền án: Có 01 tiền án. Tại bản án số 86/2019/HS-ST ngày 16/7/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 13/9/2020 chấp hành xong hình phạt tù. Đến nay chưa bồi thường phân trách nhiệm dân sự; tiền sự: Không. Tiền sử: Tại bản án số 32/2015/HSST ngày 10/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh V xử phạt G 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 23/12/2015 Giới chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích; ngày 07/6/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, thành phố H khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đặng Văn G về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự. Bị tạm giam từ ngày 13/5/2024 đến nay, (Có mặt).

Bị hại: Bà Cao Thị L, sinh năm 1990 và ông Kiều Văn B, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 7, xã Y, huyện Y, tỉnh V, (Vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Trần Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn T, xã Văn T, huyện Y, tỉnh V, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 12/7/2022, sau khi ăn cơm tối tại nhà chị Cao Thị L cùng anh Trần Văn T, anh Điện quê ở tỉnh T (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể), Đặng Văn G hỏi mượn chị Lan chiếc xe mô tô BKS: 88F1-499.37, nhãn hiệu YAMAHA đăng ký chủ sở hữu là anh Kiều Văn B (chồng chị L) mục đích để đưa anh Đ đi uống nước và chở anh T đến hồ câu cá của gia đình chị L ở xã L. Chị L không đồng ý, G nói lại là đã hỏi anh B mượn chiếc xe trên, anh B đồng ý nên chị L đã cho G mượn. Sau đó G chở anh T, anh Đ đến hồ câu cá ở xã L, huyện Y, tỉnh V. Đến nơi anh T xuống xe còn G tiếp tục điều khiển xe chở anh Đ đi xuống huyện M, thành phố H để uống nước. Trên đường đi do không có tiền tiêu sài cá nhân nên G nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của chị L. G bảo anh Đ ngồi đợi G ở quán nước ven đường, còn G một mình điều khiển xe đến một cửa hàng mua bán, sửa chữa xe máy ở huyện Mê L, thành phố H (G không nhớ tên địa chỉ cụ thể của hàng trên). Khi đến nơi G gặp một người đàn ông là chủ của hàng và đặt vấn đề muốn bán chiếc xe mô tô đã mượn của chị L, chủ cửa hàng hỏi giấy tờ, nguồn gốc chiếc xe mô tô thì G khẳng định là xe của G nhưng đã làm mất giấy tờ. Sau khi kiểm tra xe, chủ cửa hàng đồng ý mua xe với số tiền là 4.000.000 đồng. Sau khi bán chiếc xe mô tô G đón taxi quay lại quán nước đón anh Đ rồi cùng nhau đi xuống thành phố Hà N. Trên đường đi anh Đ hỏi về chiếc xe mô tô thì G không nói cho anh Đ biết việc mình đã bán chiếc xe mô tô của chị L. Khi đến thành phố H, Giới cùng anh Đ ăn, uống chơi điện tử đến sáng ngày 13/7/2022 thì anh Đ nói phải đi làm, rồi rời đi, từ đó G không liên lạc, không gặp lại anh Đ. Do lo sợ trách nhiệm về việc chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị L nên G bỏ trốn sống lang thang tại thành phố H, không trở về địa phương. Số tiền có được do bán xe của chị L, G đã tiêu sài cá nhân hết. Sau khi cho G mượn xe nhưng không thấy mang xe về, chị L đã gọi điện cho G nhiều lần, yêu cầu G mang xe mô tô về trả nhưng G không nghe máy, không liên lạc lại cho chị L nên ngày 01/6/2023 chị L đã có đơn trình báo sự việc trên đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh V

Nhận được tin báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô BKS: 88F1-499.37 là 10.000.000 đồng.

Đối với người thanh niên tên Đ, G khai là bạn mới quen biết, G không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người thanh niên này. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác minh làm rõ được nên tiếp tục xác minh khi nào rõ sẽ xử lý sau.

Đối với người đàn ông đã mua chiếc xe mô tô BKS: 88F1-499.37 G chiếm đoạt được của chị L, anh B. G khai nhận bán cho người đàn ông này tại cửa hàng sửa chữa, mua bán xe máy tại huyện M, thành phố H. G không nhớ tên cửa hàng, địa chỉ cụ thể. Khi bán xe cho người này G nói là xe mô tô của mình Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa làm rõ được nên tiếp tục xác minh khi nào rõ sẽ xử lý sau.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô BKS: 88F1-499.37 G chiếm đoạt của chị L, anh B. G đã bán chiếc xe mô tô trên cho người đàn ông tại cửa hàng sửa chữa, mua bán xe máy tại huyện M, thành phố H đến nay Cơ quan điều tra chưa thu giữ được chiếc xe mô tô này. Do vậy, Cơ quan điều tra ra thông báo truy tìm vật chứng là chiếc xe mô tô trên.

Về trách nhiệm dân sự:

Đối với chị L, anh B là người bị G chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 88F1-499.37. Quá trình điều tra đến nay, Cơ quan điều tra chưa thu giữ được chiếc xe mô tô trên. Chị L, anh B yêu cầu đề nghị G phải bồi thường số tiền tương ứng với giá trị tài sản G chiếm đoạt theo Kết luận định giá tài sản của cơ quan chức năng là 10.000.000 đồng. G chưa bồi thường được đồng nào.

Tại cáo trạng số: 60/CT-VKSYL ngày 26 tháng 7 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố Đặng Văn G về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y luận tội đối với bị cáo Đặng Văn G và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình xử phạt bị cáo Đặng Văn G từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam, miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho anh B, chị L 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, ăn năn hối hận, bị cáo đồng ý với luận tội của đại diện viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị hại và người làm chứng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp lời khai của bị hại tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác đã được thu thập đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Do quen biết với gia đình chị Cao Thị L nên tối ngày 12/7/2022 Đặng Văn G đã hỏi mượn chị L chiếc xe mô tô BKS: 88F1-499.37 để đưa bạn của G là anh Đ quê ở tỉnh T (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) đi uống nước và chở anh Trần Văn T đến hồ cá của gia đình chị L ở xã L. Trên đường đi, do không có tiền tiêu xài cá nhân, Giới nẩy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của chị L nên G đã bán chiếc xe mô tô tại cửa hàng mua bán, sửa chữa xe máy ở huyện M, thành phố H với giá 4.000.000 đồng. Số tiền trên G đã tiêu sài cá nhân hết và bỏ trốn khỏi địa phương. Trị giá chiếc xe mô tô BKS: 88F1-499.37 G chiếm đoạt của chị L, anh B là 10.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình.

Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ... mượn...tài sản của người khác ...bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó.”

Do đó bản cáo trạng số 60/CT-VKSYL ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh V đã truy tố bị cáo Đặng Văn G về tội “Lạm

dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Do vậy phải xử lý nghiêm trước pháp luật để cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 tại Điều 52 Bộ luật hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xử phạt nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục phạm tội điều đó chứng tỏ bị cáo có lối sống coi thường pháp luật. Sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn phải Truy nã gây khó khăn cho Cơ quan điều tra và trong thời gian truy nã bị cáo tiếp tục phạm tội mới. Do vậy Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù đủ tương xứng để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định và không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 88F1-499.37. Quá trình điều tra đến nay, Cơ quan điều tra chưa thu giữ được chiếc xe mô tô trên. Bị hại là Chị L, anh B yêu cầu đề nghị G phải bồi thường số tiền tương ứng với giá trị tài sản G chiếm đoạt theo Kết luận định giá tài sản của cơ quan chức năng là 10.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả 10.000.000 đồng theo yêu cầu của anh B Chị L. Vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên.

Đối với người thanh niên tên Đ, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác minh làm rõ được nên tiếp tục xác minh khi nào rõ sẽ xử lý sau là phù hợp pháp luật.

Đối với người đàn ông đã mua chiếc xe mô tô BKS: 88F1-499.37 G chiếm đoạt được của chị L, anh B, Công an huyện Y đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa làm rõ được nên tiếp tục xác minh khi nào rõ sẽ xử lý sau là phù hợp pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn G phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn G 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 13/5/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Đặng Văn G phải trả cho ông Kiều Văn B và bà Cao Thị L 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông B, bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo G không thanh toán trả cho ông B, bà L số tiền 10.000.000 đồng thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Văn G phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- VKSND huyện Y;
- VKSND tỉnh V;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Thuận